

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/DS-PT

Ngày: 31-8-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Lương Quang.

Các Thẩm phán: ông Mai Tấn Hoàng và ông Ngô Chậu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ý Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: bà Trần Thị Thu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2023/DS-PT ngày 08 tháng 8 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2023/DS-ST ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân thị xã S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 115/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 199/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn V, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn bà Đỗ Thị C trình bày được tóm tắt như sau:* Ngày 16/10/2021, bà Đỗ Thị C có cho bà Nguyễn Thị H vay số tiền 80.000.000đ, có viết giấy mượn tiền ngày 16/10/2021. Bà C nhiều lần đòi bà H trả tiền nhưng bà H không trả nên bà C khởi kiện yêu cầu bà H phải trả gốc 80.000.000đ và tiền lãi chậm trả kể từ ngày khởi kiện 30/3/2023.

Bà C thừa nhận bà H có chuyển khoản cho bà C 06 lần với số tiền 39.000.000đ nhưng khoản tiền này là khoản vay khác, không phải khoản vay theo giấy mượn tiền ngày 16/10/2021.

* *Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày được tóm tắt như sau:* Bà H thừa nhận có vay bà Đỗ Thị C số tiền 80.000.000đ và có viết giấy mượn tiền như bà

C trình bày. Tuy nhiên, bà H đã trả cho bà C số tiền 39.000.000đ (nhờ người chuyển khoản ngân hàng cho bà C). Chỉ còn nợ số tiền 41.000.000đ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2023/DS-ST ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân thị xã S đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 463, 466, 469 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị C: Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Đỗ Thị C số tiền vay gốc 41.000.000đ (*Bốn mươi một triệu đồng*) và tiền lãi chậm trả tiền 990.834đ (*Chín trăm chín mươi nghìn tám trăm ba mươi bốn đồng*). Tổng cộng: 41.990.834đ (*Bốn mươi một triệu chín trăm chín mươi nghìn tám trăm ba mươi bốn đồng*).

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Đỗ Thị C số tiền vay gốc 39.000.000đ (*Ba mươi chín triệu đồng*).

Kể từ ngày 28/6/2023 cho đến khi bà Nguyễn Thị H trả xong khoản tiền nêu trên, bà H còn phải trả tiền lãi chậm trả tiền trên số tiền còn phải trả theo mức lãi suất chậm trả tiền 10%/năm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/7/2023, nguyên đơn bà Đỗ Thị C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị chấp nhận kháng cáo.
- Bị đơn xin xét xử vắng mặt.
- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung: đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn kháng cáo, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] *Về nội dung kháng cáo nguyên đơn – yêu cầu bị đơn tiếp tục trả cho nguyên đơn số tiền 39.000.000đ:* Bị đơn bà H thừa nhận có vay của nguyên đơn bà C số tiền 80.000.000đ. Bị đơn bà H khẳng định đã trả cho nguyên đơn bà C 06 lần, với tổng số tiền 39.000.000đ, chỉ còn nợ 41.000.000đ. Nguyên đơn bà C

thừa nhận bị đơn bà H có trả cho bà C 06 lần tiền, tổng cộng 39.000.000đ, nhưng số tiền này là trả cho khoản vay khác. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà C giữ nguyên kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh số tiền 39.000.000đ bà H đã trả là trả cho khoản vay khác. Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể thỏa mãn với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

[3] Về án phí: bị đơn kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 469 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị C: Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Đỗ Thị C số tiền vay gốc 41.000.000đ (*Bốn mươi một triệu đồng*) và tiền lãi chậm trả tiền 990.834đ (*Chín trăm chín mươi nghìn tám trăm ba mươi bốn đồng*). Tổng cộng: 41.990.834đ (*Bốn mươi một triệu chín trăm chín mươi nghìn tám trăm ba mươi bốn đồng*).

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Đỗ Thị C số tiền vay gốc 39.000.000đ (*Ba mươi chín triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 2.099.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đỗ Thị C phải chịu 1.950.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 2.000.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm tại biên lai số 0008354 ngày 30/3/2023 và 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai số 0008536 ngày 28/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã S. Được hoàn lại số tiền 50.000đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND TX Sông Cầu (2);
- CC THADS TX Sông Cầu;
- P. NVKT;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Quang